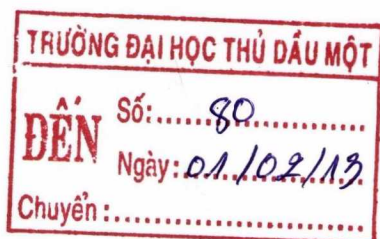


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 248 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 29 tháng 01 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt chiến lược phát triển
Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020;

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục 2011- 2020;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một tại Tờ trình số 119/TTr-ĐHTDM ngày 17/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020 gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Trường Đại học Thủ Dầu Một trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng ứng dụng - thực hành, đến năm 2020 trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm các đại học lớn trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, cung ứng dịch vụ về kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, kỹ thuật công nghệ của Bình Dương và các tỉnh miền Đông Nam bộ.

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, vùng Đông Nam bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường.

2. Các mục tiêu cụ thể:

2.1. Đào tạo đại học

Xác lập cơ cấu đào tạo đa ngành, phù hợp với nhu cầu xã hội, điều kiện và mục tiêu phát triển của Trường.

Đến năm 2015, quy mô sinh viên là 15.000, trong đó có 70% sinh viên hệ đại học, 30% sinh viên hệ cao đẳng.

Đến năm 2020, đào tạo 55 chuyên ngành với quy mô sinh viên là 20.000 trong đó có 80% sinh viên hệ đại học, 20% sinh viên hệ cao đẳng.

Phấn đấu đến năm 2015 tất cả các hệ đào tạo được đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đến năm 2020 có 2 ngành đào tạo đạt chuẩn AUN và đào tạo tất cả các hệ theo hệ thống tín chỉ.

Sau năm 2015 thí điểm giảng dạy bằng tiếng Anh một số môn chuyên ngành và triển khai đào tạo thí điểm bằng đôi Kinh tế- Luật, Kinh tế - Ngoại ngữ.

2.2. Đào tạo sau đại học

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo sau đại học. Tăng cường quy mô đào tạo sau đại học theo thị trường lao động, định hướng của tỉnh, mục tiêu phát triển của Trường.

Đến năm 2015 mở 03 ngành thạc sĩ với quy mô 150 học viên/năm, đến năm 2020 mở 12 ngành thạc sĩ và 03 ngành tiến sĩ với quy mô 500 học viên/năm.

2.3. Hoạt động nghiên cứu khoa học – công nghệ

Nghiên cứu khoa học theo định hướng nghiên cứu - ứng dụng - thực hành, trong đó chủ yếu là ứng dụng và thực hành.

Tập trung nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, khoa học xã hội và nhân văn theo hướng các chương trình, ngành và chuyên ngành để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Dương và nhà trường.

Nâng cao năng lực nghiên cứu cho giảng viên, sinh viên; 100% giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học.

Trung bình hằng năm có 60 đề tài cấp cơ sở, từ 10-15 đề tài cấp Tỉnh, Bộ của giảng viên. Phấn đấu đến năm 2015 có từ 5-7 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín khoa học, giai đoạn 2016 - 2020 có khoảng 15 -20 bài/năm. Hàng năm có 20 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên. Mỗi sinh viên có ít nhất một bài báo hoặc báo cáo khoa học/toàn khóa học.

2.4. Công tác phát triển nguồn nhân lực

Phát triển quy mô nguồn nhân lực hợp lý, cân đối và phù hợp với yêu cầu phát triển từng giai đoạn của Trường. Đảm bảo cơ cấu, chất lượng giảng viên, tỷ lệ giảng viên/sinh viên, giảng viên/cán bộ hành chính theo quy định.

Về quy mô, đến năm 2015 đội ngũ cán bộ, viên chức khoảng 800 người, đến năm 2020 đội ngũ cán bộ, viên chức khoảng 1.000 người.

Về cơ cấu trình độ, đến năm 2015 có 90% cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 20% tiến sĩ, 20% có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. Đến năm 2020 có 100% cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 30% tiến sĩ, 30% có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Đội ngũ cán bộ quản lý và hành chính phục vụ đào tạo đảm bảo đủ về số lượng, đúng tiêu chuẩn. Đến năm 2015 có 100% cán bộ quản lý được trang bị kiến thức và kỹ năng về quản trị trường đại học hiện đại. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ quản lý phải đạt 70% là thạc sĩ, 30% là tiến sĩ.

2.5. Công tác quản trị đại học

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị Trường phù hợp, hiệu quả, trong đó chú trọng đến quá trình phân cấp quyền tự chủ cho các khoa theo điều lệ trường đại học ứng dụng.

2.6. Công tác đảm bảo chất lượng

Kiểm định chất lượng toàn diện của Trường theo quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2013 hoàn thành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường. Năm 2015 đạt tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Công tác đối ngoại

Đến năm 2020, hàng năm có ít nhất 20 giảng viên được đào tạo ở nước ngoài, 10 giảng viên nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường, ít nhất 15 sinh viên được cử đi học nước ngoài thông qua hợp tác quốc tế, có từ 3 - 5 chương trình liên kết đào tạo do các trường Đại học nước ngoài uy tín và chất lượng cấp bằng.

2.8. Công tác chính trị - tư tưởng và công tác học sinh sinh viên

Điều hành hoạt động của Trường theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảm bảo sự đoàn kết nhất trí của tất cả cán bộ, viên chức và sinh viên trên cơ sở giữ vững an ninh chính trị và thống nhất về tư tưởng, ngăn chặn hiệu quả các hiện tượng tiêu cực xâm nhập học đường.

2.9. Công tác quản lý tài chính

Bảo đảm nguồn kinh phí đáp ứng cho nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển của nhà trường. Tìm kiếm các nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước để

từng bước tự chủ một phần kinh phí hoạt động. Phần đầu đến năm 2015 tự chủ 25% kinh phí hoạt động thường xuyên, năm 2020 tự chủ 40% kinh phí hoạt động thường xuyên.

2.10. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy và học. Khai thác, sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy mô phát triển.

Phần đầu thực hiện dự án xây dựng Trường mới theo đúng kế hoạch, đến năm 2020 toàn bộ hoạt động của nhà trường diễn ra tại cơ sở mới.

3. Các chương trình, đề án thực hiện chiến lược

Để cụ thể hóa việc thực hiện Chiến lược, nhà trường sẽ xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án sau:

- Chuẩn hóa khung chương trình đào tạo;
- Phát triển hoạt động khoa học công nghệ;
- Tăng cường công tác đối ngoại;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo;
- Đổi mới phương pháp dạy và học;
- Đảm bảo chất lượng;
- Viết giáo trình và tài liệu giảng dạy;
- Phát triển cơ sở vật chất.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các sở, ngành:

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao, các sở, ngành có liên quan chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan và phối hợp với Trường Đại học Thủ Dầu Một trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các vấn đề liên quan đến quản lý Nhà nước đối với hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một.

2. Sở Nội vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục cho Trường thực hiện chế độ thu hút nguồn nhân lực; giao chỉ tiêu biên chế, đào tạo, bồi dưỡng, thi nâng ngạch ... hàng năm theo quy định hiện hành.

3. Sở Tài chính

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hoạt động, đáp ứng các nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển của nhà trường.

4. Sở Ngoại vụ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và phối hợp với Trường trong các hoạt động hợp tác quốc tế.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung liên quan đến hoạt động khoa học công nghệ của Trường theo hướng đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ, tạo điều kiện cho Trường chủ động trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học nhằm phát huy vai trò đội ngũ các nhà khoa học của Nhà trường.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và phối hợp với Trường trong việc thực hiện dự án tại khu Đô thị - Công nghiệp Thới Hòa và các hoạt động đầu tư khác phù hợp với Chiến lược phát triển nhà trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Ngoại vụ, Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: ^{ht}

- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, N; 
- Lưu: VT. 


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Nhị

ỦY BAN NHÂN NHÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC
THỦ DẦU MỘT ĐẾN NĂM 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 248 /QĐ-UBND
ngày 29 tháng 01 năm 2013 của UBND tỉnh Bình Dương)*

BÌNH DƯƠNG – THÁNG 01/2013

LỜI NÓI ĐẦU

Luật Giáo dục Đại học đã xác định mục tiêu của giáo dục đại học là *“Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra trí thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng và hội nhập quốc tế”*, đồng thời quy định việc xếp hạng, phân tầng cơ sở giáo dục đại học nhằm phục vụ công tác quy hoạch, quản lý Nhà nước và đánh giá chất lượng đào tạo.

Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020 đề ra mục tiêu tổng quát *“là đưa nhân lực Việt Nam trở thành nền tảng và lợi thế quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước, hội nhập quốc tế và ổn định xã hội, nâng trình độ năng lực cạnh tranh của nhân lực nước ta lên mức tương đương các nước tiên tiến trong khu vực, trong đó một số mặt tiếp cận trình độ các nước phát triển trên thế giới”*.

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đặt ra mục tiêu *“Hoàn thiện hệ thống giáo dục nghề nghiệp và đại học, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội; đào tạo ra những con người có năng lực sáng tạo, tư duy độc lập, trách nhiệm công dân, đạo đức và kỹ năng nghề nghiệp, năng lực ngoại ngữ, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp, năng lực tự tạo việc làm và khả năng thích ứng với những biến động của thị trường lao động và một bộ phận có khả năng cạnh tranh trong khu vực và thế giới”*.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ IX xác định *“... phát triển mạnh mẽ mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp; mở rộng quy mô và nâng chất lượng đào tạo nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực theo yêu cầu xã hội ... Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn mục tiêu đào tạo của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp dạy nghề trên địa bàn tỉnh với yêu cầu sử dụng của các doanh nghiệp...”*.

Trên tinh thần của Luật Giáo dục đại học, Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011-2020, Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2011 – 2020, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ và mục tiêu, sứ mệnh của mình, Trường Đại học Thủ Dầu Một xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2020 làm cơ sở để xây dựng và phát triển Nhà trường, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, vùng Đông Nam bộ, thực hiện Luật Giáo dục đại học và Chiến lược phát triển giáo dục Quốc gia.

PHẦN 1

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH

1. Tình hình kinh tế - xã hội

1.1. Tình hình chung

Quá trình toàn cầu hoá đang diễn ra nhanh chóng, mạnh mẽ và sâu rộng thúc đẩy các quốc gia cùng nhau hợp tác và phát triển. Đây là tiền đề thuận lợi để các trường đại học mở rộng quan hệ giao lưu, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao và tiếp nhận công nghệ đào tạo tiên tiến trên thế giới. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ và sự hình thành nền kinh tế tri thức đã thúc đẩy hệ thống các trường đại học phải nâng cao chất lượng đào tạo để cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhu cầu phát triển của xã hội.

Quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong những năm qua đã đạt được thành tựu quan trọng về nhiều mặt, trong đó lĩnh vực giáo dục và đào tạo được Đảng, Nhà nước xác định có tầm quan trọng hàng đầu và được quan tâm đầu tư; hệ thống các trường đại học, cao đẳng tăng về số lượng, chất lượng đào tạo được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam gồm Bình Dương, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An và Tiền Giang. Đây là vùng chuyển tiếp giữa vùng Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chiếm 18,4% dân số, 9,2% diện tích cả nước. GDP tính theo đầu người cao gần gấp 2,5 lần mức bình quân cả nước. Là khu vực thu hút vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đứng đầu cả nước, đóng góp gần 60% ngân sách quốc gia, tỷ lệ dân số đô thị gần 50% (so với mức bình quân 25% của cả nước).

Đây không những là vùng phát triển kinh tế - xã hội năng động nhất, là động lực phát triển của cả khu vực phía Nam, mà còn là một trong hai trung tâm giáo dục đào tạo lớn của cả nước, có Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh với 7 trường thành viên, cùng nhiều trường cao đẳng, đại học có uy tín khác. Đến nay, hầu hết các tỉnh Đông Nam Bộ đều có trường đại học. Các trường cao đẳng, đại học vùng Đông Nam Bộ đã cung ứng phần lớn nguồn nhân lực có trình độ cao phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như cả nước.

1.2. Kinh tế - xã hội tỉnh Bình Dương

Tỉnh Bình Dương tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh, là tỉnh có tốc độ phát triển khá nhanh và ổn định. GDP bình quân hàng năm tăng 14%. Cơ cấu kinh tế hiện nay là Công nghiệp 62,2% - Dịch vụ 33,7% - Nông nghiệp 4,1%.

Trong năm 2011, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 21%, giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5,2%, kim ngạch xuất khẩu tăng 17,4% so với năm 2010, thu nhập bình quân đầu người đạt 36,9 triệu đồng, thu mới ngân sách đạt 22.500 tỷ đồng, chi ngân sách địa phương là 8.000 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển chiếm 50% tổng chi.

Bình Dương cũng là một trong số các tỉnh thành có tốc độ thu hút đầu tư cao và tương đối ổn định. Năm 2011 thu hút 26.300 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước, 889 triệu đô la Mỹ vốn đầu tư nước ngoài. Tính đến cuối năm 2011 tổng vốn đầu tư là 90.886 tỷ đồng và 14 tỷ 576 triệu đô la Mỹ.

Quy hoạch của Bình Dương là phát triển công nghiệp gắn với phát triển dịch vụ đô thị; phát triển công nghiệp kỹ thuật cao, công nghiệp phụ trợ; quan tâm xử lý môi trường. Nông nghiệp chuyển dịch theo hướng phát triển nông nghiệp đô thị, kỹ thuật cao, gắn với công nghiệp chế biến.

Toàn tỉnh hiện có trên 15.200 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có 13.162 doanh nghiệp có vốn trong nước, 2.054 dự án đầu tư nước ngoài. 28 khu công nghiệp với diện tích 9.000 ha, trong đó 24 khu đã đi vào hoạt động, tỷ lệ lấp kín bình quân đạt 60% và 8 cụm công nghiệp tổng diện tích 593 ha, tỷ lệ lấp kín khoảng 40%. Các khu công nghiệp được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư cũng như yêu cầu của quá trình phát triển công nghiệp. Với quy mô doanh nghiệp như trên, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động đã qua đào tạo là rất lớn. Tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp của tỉnh hiện nay là trên 745 nghìn người. Hàng năm nhu cầu tăng thêm lao động khoảng 46.000.

Cùng với việc đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ và từng bước hiện đại để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Bình Dương rất chú trọng đầu tư cho lĩnh vực văn hóa - xã hội, đặc biệt là vấn đề giáo dục và đào tạo.

Đầu tư từ ngân sách cho ngành giáo dục tăng trên 20%/năm. Năm 2011, đầu tư xây dựng cơ bản cho giáo dục khoảng 850 tỷ đồng, chiếm 25% tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản của ngân sách Tỉnh. Hệ thống trường lớp đã được kiên cố hoá, tỷ lệ trường trung học phổ thông và tiểu học đạt chuẩn quốc gia năm 2011 là 40,5%.

Năm học 2011 - 2012, toàn ngành giáo dục có 440 đơn vị, trường học, gồm 197 trường mầm non, mẫu giáo, 136 trường tiểu học, 65 trường THCS, 21 trường THPT (cấp III), 05 trường PTTH (cấp II + III), 05 trường PT nhiều cấp học (cấp I + II + III), 07 trung tâm giáo dục thường xuyên - kỹ thuật - hướng nghiệp với tổng số học sinh là 244.637 (tăng 18.928 học sinh so với năm trước). Trong đó học sinh cuối cấp III (lớp 12) là 6.129. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học năm 2012 là 98,87%. Tỷ lệ học sinh trúng tuyển đại học năm 2011 là 58,2%.

Khối giáo dục chuyên nghiệp, đại học trên địa bàn tỉnh phát triển khá nhanh. Trên địa bàn Tỉnh hiện có 07 trường đại học, 06 trường cao đẳng, 16 trường trung cấp với tổng số học sinh, sinh viên đang theo học là 47.385. Hàng năm ra trường trên 15.000, cung ứng cho thị trường lao động lực lượng lao động đã được đào tạo. Hầu hết học sinh, sinh viên ra trường đều có việc làm phù hợp.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên giáo dục tăng về số lượng, đạt chuẩn về trình độ. Đến tháng 6/2012, toàn ngành có 14.647 người. Số lượng giảng viên đang công tác tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp là trên 1.500 người (chưa tính con số ngoài công lập).

Với sự quan tâm, đầu tư của lãnh đạo Tỉnh cho ngành giáo dục đào tạo nói chung, cho Trường Đại học Thủ Dầu Một nói riêng nên Trường Đại học Thủ Dầu Một có nhiều thuận lợi trong quá trình phát triển. Trường Đại học Thủ Dầu Một cũng nhận được sự hỗ trợ đặc biệt về mọi mặt của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và các trường thành viên.

2. Trường Đại học Thủ Dầu Một qua ba năm xây dựng và phát triển

Qua 03 năm thành lập và đi vào hoạt động, Trường Đại học Thủ Dầu Một đã đạt được những kết quả khá toàn diện, trên các lĩnh vực.

2.1. Về công tác đào tạo

Hiện nay Nhà trường đang đào tạo 17 ngành đại học, 21 ngành cao đẳng, gồm các lĩnh vực: Kinh tế, Kỹ thuật, Khoa học xã hội và Nhân văn, Sư phạm, với quy mô sinh viên là 12.000. Đang trong quá trình chuyển đổi từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ phù hợp với điều kiện của nhà trường. Trường cũng đã công bố chuẩn đầu ra các ngành đại học và cao đẳng. Chuẩn trình độ ngoại ngữ là TOEIC 450 cho đại học và 350 cho cao đẳng. Nội dung chương trình đào tạo được sửa đổi, cập nhật phù hợp với quá trình phát triển, sát với nhu cầu sử dụng lao động.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Nhà trường luôn phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị; đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao, đặc biệt là công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo và thực hiện “Ba công khai” theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Với sự cố gắng của tập thể cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường, chất lượng học tập hàng năm của sinh viên đã đạt thành tích đáng khích lệ với trên 52 % sinh viên đạt loại khá trở lên; sinh viên tốt nghiệp cuối khóa đạt 84,3% trong đó có trên 60% đạt loại khá, giỏi, xuất sắc. Đội tuyển học sinh giỏi của Trường tham gia các cuộc thi do tỉnh, Trung ương tổ chức đều đoạt giải (8 giải ba, 02 giải khuyến khích và giải nhì toàn đoàn cuộc thi Olympic Vật lý và Toán học năm 2012; giải nhì toàn đoàn cấp tỉnh và giải nhì toàn đoàn cấp toàn quốc hội thi Olympic các môn khoa học Mác-Lê nin). Hầu hết sinh viên tốt nghiệp đều có việc làm phù hợp.

Đang triển khai xây dựng bộ giáo trình, đến năm học 2015, từng bước sẽ đào tạo bằng bộ giáo trình riêng của Trường.

2.2. Về hoạt động khoa học công nghệ

Xác định hoạt động khoa học công nghệ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của trường Đại học, trong 03 năm qua đội ngũ cán bộ, giảng viên Nhà trường đã thực hiện được 03 đề tài khoa học cấp tỉnh, 98 đề tài khoa học cấp cơ sở, 07 bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế, 05 báo cáo khoa học tại các hội thảo quốc tế, 65 bài báo trên các tạp chí trong nước. Hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên đã được định hình, giúp các em làm quen với công tác nghiên cứu khoa học.

Được sự cho phép của Bộ Thông tin truyền thông, Trường đã thành lập Tạp chí Đại học Thủ Dầu Một, xuất bản định kỳ 2 tháng một số, tạo nền tảng ban đầu cho công tác nghiên cứu khoa học phát triển. Tạp chí cũng được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản ấn phẩm nhiều kỳ (ISSN - International Standard Serial Number). Hiện nay, Tạp chí được đông đảo cán bộ, giảng viên, sinh viên Nhà trường và các nhà khoa học trong nước quan tâm đăng tải, công bố các kết quả nghiên cứu khoa học, công trình khoa học trên tất cả các lĩnh vực và phấn đấu trở thành một Tạp chí khoa học đa ngành có uy tín trong nước và khu vực. Kể từ khi thành lập, đến nay Tạp chí đã xuất bản được 6 số.

2.3. Công tác chính trị tư tưởng và công tác học sinh, sinh viên

Hoạt động của Trường theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đội ngũ cán bộ viên chức đoàn kết

nhất trí, tư tưởng ổn định, an ninh chính trị được giữ vững. Các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội được ngăn chặn hiệu quả, không xâm nhập vào Nhà trường, tạo nên môi trường làm việc, học tập và rèn luyện thân thiện, dân chủ.

Công tác học sinh, sinh viên được thực hiện tốt. Thông qua tuần sinh hoạt công dân học sinh, sinh viên hằng năm, thông qua các đợt học tập chính trị và các hoạt động của Đoàn - Hội, sinh viên được bồi dưỡng chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống, rèn luyện đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật và hình thành các phong trào học tập và rèn luyện trong Nhà trường. Công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật học sinh sinh viên, các chế độ, chính sách của sinh viên được Nhà trường thực hiện tốt. Các phong trào văn hóa - thể thao trong sinh viên được Nhà trường quan tâm đầu tư.

2.4. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

Đã thành lập bộ phận chuyên trách là Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng với nhiệm vụ chính là triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng đào tạo, tổ chức tự kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn, đánh giá và đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, tổ chức các kỳ thi theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hướng dẫn về công tác thi, kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu, phản ánh đúng chất lượng theo mục tiêu đào tạo của từng ngành.

2.5. Hoạt động hợp tác quốc tế

Mặc dù mới thành lập nhưng hoạt động hợp tác quốc tế của Trường đã từng bước phát triển. Hiện nay Trường đã thiết lập quan hệ với các trường Đại học Woosong, Đại học Kyungsung của Hàn Quốc, Học viện Văn hóa Quốc tế Thiên Tân, Đại học Hoa Trung của Trung Quốc; là đối tác của Tổ chức tình nguyện Lattitude. Một số giảng viên của Trường đang nghiên cứu, học tập tại Hàn Quốc, New Zealand, Úc, Nhật Bản.

Trường có mối quan hệ mật thiết với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh và các trường thành viên, xác lập quan hệ với Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Phước, Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh để liên kết đào tạo.

2.6. Công tác tổ chức bộ máy

Bộ máy Trường có 12 phòng ban, 14 khoa chuyên môn, 01 tạp chí, 01 trạm y tế và 05 trung tâm. Tổng số cán bộ giảng viên của Trường hiện nay là 628 cán bộ giảng viên, trong đó có 02 PGS-TS, 50 Tiến sĩ, 25 Nghiên cứu sinh, 327 Thạc sĩ và 75 đang theo học cao học. Tỷ lệ cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học đạt 63 %.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên có học hàm, học vị của Trường Đại học Thủ Dầu Một cơ bản đảm bảo công tác giảng dạy và nghiên cứu theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như hướng phát triển của nhà trường hiện tại và thời gian tới.

2.7. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất của Nhà trường đã được đầu tư xây dựng và trang bị khá tốt. Hiện có 95 phòng học, giảng đường, 01 hội trường, 06 phòng vi tính, 04 phòng nhạc, họa, 02 phòng ngoại ngữ, 15 phòng thí nghiệm, thực hành có đầy đủ trang thiết bị, trên 30.000 m² sân bãi hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và nhà tập đa năng. Nhìn chung, cơ sở vật chất hiện hữu đáp ứng cơ bản nhu cầu đào tạo.

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn, thiết kế, lập đồ án quy hoạch và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Thủ Dầu Một tại Khu Công nghiệp Đô thị Thới Hòa, với quy mô 24.000 sinh viên, ký túc xá 14.000 chỗ. Hiện tại đã hoàn thành đồ án qui hoạch chi tiết 1/500.

Đánh giá chung:

Có thể nói, sau 03 năm đi vào hoạt động, những nhiệm vụ cơ bản mà Đại học Thủ Dầu Một đặt ra đã đạt được kết quả tốt. Đó là: Quy mô đào tạo tăng về số lượng sinh viên và số ngành đào tạo, đội ngũ cán bộ, viên chức tăng về số lượng, đạt chuẩn về trình độ; cơ cấu tổ chức, bộ máy được sắp xếp hợp lý và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác nghiên cứu khoa học được chú trọng và có hướng phát triển; công tác khảo thí và kiểm định chất lượng được định hình; công tác chính trị sinh viên đi vào nề nếp; các hoạt động phong trào trong sinh viên cũng như cán bộ, giảng viên được tổ chức tốt; cơ sở vật chất cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo hiện tại cũng như một vài năm tới; chế độ tài chính được thực hiện đúng quy định hiện hành. Đến nay, Trường đã định hình là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, theo định hướng ứng dụng – thực hành, hội đủ các điều kiện cơ bản của một trường đại học và đang từng bước xây dựng uy tín với xã hội.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục, đó là: Quy mô phát triển nhanh nên vẫn chưa thực sự bền vững; chất lượng đào tạo có mặt còn yếu; đội ngũ cán bộ, viên chức mới, trẻ, trình độ chưa đồng đều; công tác tham mưu của một số phòng, khoa chưa kịp thời; công tác điều hành đôi khi còn chậm trễ do ý thức về công việc của một vài cá nhân chưa cao.

Bối cảnh chung cũng như tình hình thực tế của Nhà trường qua 03 năm hoạt động đã tạo ra nhiều cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức đối với quá trình phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một từ nay đến năm 2020 và những năm tiếp theo.

Cơ hội của Trường Đại học Thủ Dầu Một là phát triển trong xu thế tri thức và khoa học công nghệ được xem trọng và đầu tư phát triển. Là trường đại học công lập nên luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo Tỉnh, được đầu tư nguồn lực tài chính tương xứng với yêu cầu phát triển và được sự đồng thuận, hỗ trợ của các ngành liên quan. Các trường đại học thành viên của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là đối tác chiến lược, hỗ trợ và tác động tích cực cho sự phát triển của Trường Đại học Thủ Dầu Một. Các trường đại học trên địa bàn tỉnh Bình Dương là đối tác cạnh tranh góp phần thúc đẩy Trường Đại học Thủ Dầu Một tự hoàn thiện và phát triển.

Thách thức đối với Trường Đại học Thủ Dầu Một là phát triển trong môi trường và xu hướng cạnh tranh về chất lượng đào tạo nên phải xây dựng bộ máy quản lý, đội ngũ giảng viên đạt chuẩn, chương trình đào tạo có chất lượng để đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, không chỉ cho tỉnh nhà mà còn cho các tỉnh thành khác trong khu vực. Là trường còn non trẻ nên hàng loạt vấn đề đặt ra cần giải quyết trong thời gian ngắn nhất để sánh vai với các trường đại học có uy tín cũng là một thách thức lớn đối với Đại học Thủ Dầu Một.

PHẦN 2

PHÁT TRIỂN ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT ĐẾN NĂM 2020

1. Sứ mệnh

Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, vùng Đông Nam Bộ, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước; thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, cung ứng sản phẩm và dịch vụ cho thị trường.

2. Tầm nhìn

Phát triển Trường Đại học Thủ Dầu Một theo định hướng ứng dụng - thực hành, đến năm 2020 trở thành cơ sở đào tạo ngang tầm các đại học lớn trong nước, tiến tới tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học khu vực và thế giới; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, tư vấn chính sách, cung ứng

dịch vụ về kinh tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, kỹ thuật công nghệ của Bình Dương và các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

3. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Trường Đại học Thủ Dầu Một trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng ứng dụng – thực hành.

4. Mục tiêu cụ thể và các giải pháp phát triển

4.1. Công tác đào tạo

4.1.1. Đào tạo Đại học

a) Mục tiêu

- Xác lập cơ cấu đào tạo đa ngành, phù hợp với nhu cầu xã hội, điều kiện và mục tiêu phát triển của Trường. Đến năm 2020, Trường sẽ đào tạo 55 chuyên ngành.

- Phát triển quy mô đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, khu vực, phù hợp với điều kiện đội ngũ, cơ sở vật chất và ngành nghề đào tạo. Tăng quy mô đào tạo đại học chính quy, duy trì hợp lý quy mô đào tạo đại học không chính quy; phát triển quy mô và ngành đào tạo đối với hệ cử nhân chất lượng cao và đào tạo liên thông. Đến năm 2015, quy mô sinh viên là 15.000, trong đó có 70% sinh viên hệ đại học, 30% sinh viên hệ cao đẳng. Đến năm 2020, quy mô sinh viên là 20.000 trong đó có 80% sinh viên hệ đại học, 20% sinh viên hệ cao đẳng.

- Xây dựng và hoàn thiện các chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và tiếp cận trình độ đào tạo tiên tiến của các trường đại học trong khu vực. Phấn đấu đến năm 2020 có 2 ngành đào tạo đạt chuẩn AUN.

- Hoàn chỉnh quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, nâng cao chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho hệ chính quy, đồng thời triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với hệ đào tạo không chính quy. Đến năm 2015 đào tạo tất cả các hệ theo hệ thống tín chỉ.

- Thí điểm giảng dạy bằng tiếng Anh một số môn chuyên ngành từ sau năm 2015.

b) Giải pháp

- Củng cố và phát huy thế mạnh các ngành sư phạm truyền thống của Trường; hàng năm mở thêm các ngành học mới đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của xã hội và xu hướng phát triển; mở một số ngành đào tạo cử nhân

chất lượng cao; xây dựng và triển khai đề án đào tạo thí điểm bằng đôi Kinh tế- Luật, Kinh tế - Ngoại ngữ.

- Cải tiến nội dung và chương trình đào tạo theo các hệ đào tạo (chính quy, không chính quy) và các bậc đào tạo (đại học, cao đẳng), trong đó lấy chương trình đào tạo đại học chính quy làm chuẩn. Tăng cường các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín, chất lượng trong và ngoài nước.

- Đẩy mạnh việc biên soạn, nghiệm thu giáo trình và tài liệu học tập. Phần đầu đến năm 2015 biên soạn 40%, đến năm 2020 biên soạn 70% giáo trình các môn học.

- Tiếp tục xây dựng và công bố chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo; xây dựng một số chương trình đào tạo tiếp cận chuẩn khu vực và quốc tế (chuẩn AUN).

- Đẩy mạnh tin học hoá, chuyên môn hoá quy trình quản lý đào tạo. Vận hành hiệu quả các phần mềm quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ; xây dựng các phần mềm mới đáp ứng kịp thời các yêu cầu của thực tế quản lý đào tạo. Nâng cao năng lực của đội ngũ quản lý, phục vụ công tác đào tạo thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng thích hợp hàng năm.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra đối với các loại hình đào tạo. Cải tiến và đa dạng hoá hình thức, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo khách quan, chính xác.

- Định kỳ tổ chức hội thảo cấp trường và hội thảo cấp Khoa, Bộ môn về đổi mới phương pháp giảng dạy; tổ chức các lớp bồi dưỡng và tập huấn về phương pháp giảng dạy đại học do các chuyên gia trong nước và nước ngoài tập huấn; tổ chức dự giờ, lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên về môn học, khóa học và gửi kết quả tới các khoa để điều chỉnh, đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa Phòng Đào tạo với Khoa theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Phòng và các Khoa, kể cả công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4.1.2. Đào tạo sau đại học

a) Mục tiêu

- Đào tạo sau đại học bao gồm đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và chuyên đề sau đại học. Thạc sĩ có kiến thức chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành và khả năng thích ứng cao. Tiến sĩ có trình độ cao về lý thuyết và thực hành, có khả năng sáng tạo, độc lập về nghiên cứu khoa học và hoạt động chuyên

môn. Bồi dưỡng kiến thức nhằm bổ sung, cập nhật, nâng cao kiến thức để theo kịp sự phát triển.

- Xây dựng và phát triển cơ cấu ngành đào tạo sau đại học đa dạng đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Bình Dương, vùng Đông Nam Bộ và cả nước. Tăng cường quy mô đào tạo sau đại học theo thị trường lao động, định hướng của Tỉnh, mục tiêu phát triển của Trường. Đến năm 2015 mở 3 ngành thạc sĩ với quy mô 150 học viên, đến năm 2020 mở 12 ngành thạc sĩ và 05 ngành tiến sĩ với quy mô 500 học viên.

- Xây dựng chương trình đào tạo sau đại học dựa trên khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chương trình đào tạo đại học hiện tại, cập nhật và bổ sung theo hướng hội nhập và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hướng tới chương trình đào tạo chuyên ngành sâu cho bậc cao học.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý đào tạo sau đại học.

- Định hướng phương pháp giảng dạy sau đại học theo hướng phát triển tư duy độc lập, tư duy phê phán; tăng cường tính chủ động, sáng tạo của học viên trong quá trình học tập và nghiên cứu.

b) Giải pháp

- Chuẩn bị đầy đủ điều kiện mở các ngành sau đại học mà Trường có nhiều thế mạnh và đồng thời có nhu cầu cao ở tỉnh Bình Dương và các tỉnh thành khác trong khu vực Đông Nam Bộ; đẩy mạnh việc liên kết đào tạo sau đại học với các Viện, Học viện, trường đại học uy tín, chất lượng, có nhiều kinh nghiệm trong đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; đặc biệt là với Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả của chương trình đào tạo, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học viên; định kỳ rà soát, đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy trên cơ sở ý kiến đóng góp của giảng viên, của học viên, của các chuyên gia đầu ngành và tham khảo các chương trình tiên tiến trên thế giới; chuẩn hóa chất lượng các chương trình đào tạo; biên soạn tài liệu học tập cho các môn học sau đại học. Mục tiêu đến năm 2020 có 50% tài liệu học tập của các môn học.

- Xây dựng các văn bản nhằm cụ thể hoá hoạt động đào tạo sau đại học, nhất là quy chế đào tạo sau đại học; đẩy mạnh phân cấp quản lý giữa Phòng Sau đại học với Khoa theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của Phòng và các Khoa; bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý cho chuyên viên Phòng Sau Đại học và giáo vụ sau đại học của các Khoa.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy trong đào tạo sau đại học; giảng dạy gắn liền với nghiên cứu khoa học; gắn hoạt động nghiên cứu của các phó Giáo sư, Giáo sư, Tiến sĩ trong giảng dạy, hướng dẫn với học viên; hình thành các nhóm nghiên cứu trong quá trình đào tạo.

4.2. Hoạt động nghiên cứu khoa học - công nghệ

a) Mục tiêu

- Tập trung nghiên cứu các lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật, sư phạm, khoa học xã hội và nhân văn theo hướng các chương trình, ngành và chuyên ngành để phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tỉnh Bình Dương và Nhà trường.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu cho giảng viên, sinh viên; 100% giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học; trung bình hằng năm có 60 đề tài cấp cơ sở, từ 10-15 đề tài cấp Tỉnh, Bộ của giảng viên, 20 đề tài của sinh viên. Phấn đấu đến năm 2015 có từ 5-7 bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín khoa học, giai đoạn 2016 - 2020 có khoảng 15 -20 bài/năm. Mỗi sinh viên có ít nhất một bài báo hoặc báo cáo khoa học/toàn khóa học.

- Phát triển mối quan hệ giữa trường và các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như các trường đại học khác trong và ngoài nước thông qua hoạt động hợp tác nghiên cứu, chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ.

- Đổi mới chương trình đào tạo, tài liệu giảng dạy và học tập dựa trên những kết quả nghiên cứu khoa học.

- Tăng cường công tác thông tin khoa học và công nghệ, công tác sở hữu trí tuệ.

- Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Giải pháp

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các quy định, quy chế của Bộ, Trường về nhiệm vụ khoa học công nghệ của giảng viên, của các đơn vị chức năng trong Trường.

- Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường cho phù hợp với yêu cầu phát triển hoạt động khoa học công nghệ của Nhà trường.

- Yêu cầu mỗi giảng viên phải qua lớp đào tạo về phương pháp nghiên cứu khoa học; tổ chức định kỳ các hoạt động sinh hoạt khoa học cho cán bộ, giảng viên trẻ, sinh viên.

- Hỗ trợ và khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia tư vấn, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của các tổ chức, doanh nghiệp. Các hỗ trợ này bao gồm cơ chế và nguồn lực (tài chính, con người) để tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên có đủ điều kiện hợp tác với các đơn vị.

- Hình thành các nhóm nghiên cứu để tạo lập đội ngũ chuyên gia giỏi và thực hiện được các đề tài, chương trình nghiên cứu lớn, tập trung, nhằm giải quyết những yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài của Tỉnh và khu vực.

- Tham gia và tổ chức các hình thức hoạt động khoa học công nghệ đa dạng nhằm thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học như: trao đổi thông tin khoa học, báo cáo khoa học, hội nghị, hội thảo. Kiện toàn bộ máy tổ chức và hoạt động của tạp chí khoa học.

- Xây dựng cơ chế động viên, khen thưởng thích đáng các giảng viên có bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế.

- Gắn kết chặt chẽ việc xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ với đào tạo nhất là đào tạo sau đại học.

- Tranh thủ các dự án của các tổ chức trong nước và nước ngoài để tổ chức nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tiếp nhận công nghệ hiện đại, gắn chặt các hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai ứng dụng với các chương trình dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương và khu vực đồng thời bổ sung kiến thức, tài liệu giảng dạy, nâng cao năng lực nghiên cứu của giáo viên và sinh viên.

- Xây dựng Vườn ươm doanh nghiệp và tổ chức thực hiện các dịch vụ kèm theo; hỗ trợ, phát triển các ý tưởng của sinh viên và giảng viên trẻ trong việc nghiên cứu công nghệ, chế thử sản phẩm và thành lập doanh nghiệp.

- Cải tiến chất lượng công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ. Công tác quản lý cần tập trung vào tìm kiếm, điều phối, quản lý các nguồn lực dành cho nghiên cứu khoa học, hỗ trợ cán bộ, giảng viên, sinh viên, đồng thời chuyển giao dần công tác quản lý nghiệp vụ về các Khoa đào tạo với định hướng tăng quyền chủ động cho các Khoa.

4.3. Công tác phát triển nguồn nhân lực

a) Mục tiêu

- Phát triển quy mô nguồn nhân lực hợp lý, cân đối và phù hợp với yêu cầu phát triển từng giai đoạn của Trường.

- Đảm bảo cơ cấu, chất lượng giảng viên, tỷ lệ giảng viên/sinh viên, giảng viên/cán bộ hành chính theo quy định.

- Về quy mô, đến năm 2015 đội ngũ cán bộ, viên chức khoảng 800 người, trong đó có trên 600 cán bộ giảng dạy, tỷ lệ giảng viên/cán bộ hành chính là 3,5/1; đến năm 2020 đội ngũ cán bộ, viên chức khoảng 1.000 người, trong đó có 800 cán bộ giảng dạy, tỷ lệ giảng viên/cán bộ hành chính 4/1.

- Về cơ cấu trình độ, đến năm 2015 có 90% cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 20% tiến sĩ, 30% có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. Đến năm 2020 có 100% cán bộ, giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 30% tiến sĩ, 50% có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

- Đội ngũ cán bộ quản lý và hành chính phục vụ đào tạo đảm bảo đủ về số lượng, đúng tiêu chuẩn. Đến năm 2015 có 100% cán bộ quản lý được trang bị kiến thức và kỹ năng về quản trị trường đại học hiện đại. Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ quản lý phải đạt 70% là thạc sĩ, 30% là tiến sĩ.

b) Giải pháp

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục thực thiện chính sách thu hút nguồn nhân lực cho Nhà trường. Xây dựng kế hoạch cũng như quy chế quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực.

- Cùng với việc tuyển dụng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ cao theo chính sách thu hút nguồn nhân lực, chú trọng công tác tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp loại giỏi để tạo nguồn nhân lực lâu dài cho Nhà trường. Phân bổ và giám sát thực hiện chỉ tiêu phát triển đội ngũ đến từng đơn vị. Tăng cường sự chủ động của đơn vị trong tìm kiếm, thu hút cán bộ, giảng viên có năng lực trình độ và phẩm chất đạo đức.

- Xây dựng cơ chế cử giảng viên đi nghiên cứu thực tế hàng năm. Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế để tạo điều kiện cho cán bộ, giảng viên được đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ ở nước ngoài.

- Có chế độ thu hút các nhà khoa học trong nước và nước ngoài có trình độ cao, uy tín và kinh nghiệm, các trí thức Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường.

- Hàng năm điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ và bổ sung các chế độ chính sách cho cán bộ, viên chức trên cơ sở phù hợp với quy định chung. Ưu tiên đầu tư kinh phí cho phát triển nguồn nhân lực.

4.4. Công tác quản trị đại học

a) Mục tiêu

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị Trường phù hợp, hiệu quả, trong đó chú trọng đến quá trình phân cấp quyền tự chủ cho các khoa theo điều lệ trường đại học ứng dụng.

- Nâng cao năng lực điều phối, phối hợp của bộ máy nhằm phát huy cao nhất hiệu quả đầu tư, phát triển nguồn lực.

- Phát triển thương hiệu Nhà trường.

b) Giải pháp

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, các quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cũng như của từng đơn vị.

- Đẩy mạnh việc phân cấp toàn diện cho các khoa theo hướng tự chủ và tự chịu trách nhiệm; đồng thời xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá.

- Đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng quản trị đại học cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Xây dựng và hoàn thiện cổng thông tin điện tử của Trường nhằm tạo tính liên thông, liên kết trong quản lý các hoạt động của Nhà trường.

- Phát triển chương trình quảng bá hình ảnh, thương hiệu Nhà trường thông qua việc xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, tham dự các hoạt động triển lãm giáo dục đại học, tham gia vào các diễn đàn, các hội thảo, các buổi diễn thuyết và những sự kiện đặc biệt để mở rộng sự tham gia của cộng đồng đối với Trường; tham dự và tổ chức ngày hội sinh viên và doanh nghiệp, hội chợ việc làm, chương trình tư vấn - hướng nghiệp - tuyển sinh... để giới thiệu về Trường.

4.5. Công tác đảm bảo chất lượng

a) Mục tiêu

Kiểm định chất lượng toàn diện của Trường theo quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2013 hoàn thành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường. Năm 2015 đạt tiêu chí đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Giải pháp

- Phổ biến quy trình, tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng cho toàn bộ cán bộ viên chức và người học.

- Xây dựng đội ngũ chuyên trách cho công tác đảm bảo chất lượng của đơn vị.

- Tổ chức rà soát lại toàn bộ hồ sơ hoạt động của Nhà trường theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học hiện hành; sưu tập, bổ sung hoàn thiện các loại hồ sơ dùng để minh chứng trong kiểm định chất lượng giáo dục; tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của cựu sinh viên và nhà tuyển dụng.

- Xây dựng báo cáo tự đánh giá nội bộ với đầy đủ hồ sơ minh chứng theo quy định và lập thủ tục đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá ngoài.

- Lựa chọn một số khoa tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn AUN.

4.6. Công tác đối ngoại

a) Mục tiêu

- Duy trì, phát triển các mối quan hệ hợp tác đã có. Mở rộng hợp tác với các đối tác mới là các trường, viện, học viện có uy tín trong và ngoài nước. Đa dạng hóa loại hình hợp tác và đa phương hóa đối tác.

- Đến năm 2020, hàng năm có ít nhất 20 giảng viên được đào tạo ở nước ngoài, 10 giảng viên nước ngoài đến giảng dạy và nghiên cứu tại Trường, ít nhất 15 sinh viên được cử đi học nước ngoài thông qua hợp tác quốc tế, có từ 3 - 5 chương trình liên kết đào tạo do các trường Đại học nước ngoài uy tín và chất lượng cấp bằng.

b) Giải pháp

- Tìm hiểu, ký kết hợp tác với các trường đại học trong nước, đặc biệt là mối quan hệ hợp tác với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ động tìm kiếm và mở rộng các hoạt động hợp tác, liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên và sinh viên với một số trường đại học, học viện có uy tín của nước ngoài; tổ chức hội nghị các đối tác chiến lược. Xây dựng và hoàn thiện các quy định liên quan đến việc triển khai, theo dõi, giám sát các chương trình liên kết đào tạo.

- Tiếp nhận sinh viên quốc tế đến học tập nghiên cứu tại Trường, đồng thời chuẩn hóa quy trình và quy chế tiếp nhận, hỗ trợ, theo dõi và quản lý việc học tập và sinh hoạt của sinh viên nước ngoài.

- Gắn các chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học với các hoạt động quan hệ quốc tế.

- Tăng cường đội ngũ và cơ sở vật chất phục vụ công tác hợp tác quốc tế và liên kết đào tạo.

4.7. Công tác chính trị - tư tưởng và công tác học sinh sinh viên

a) Mục tiêu

- Điều hành toàn bộ hoạt động của Trường theo đúng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đảm bảo sự đoàn kết nhất trí của tất cả cán bộ, viên chức và sinh viên trên cơ sở giữ vững an ninh chính trị và thống nhất về tư tưởng.

- Nắm bắt được diễn biến tư tưởng trong đảng viên và quần chúng để kịp thời định hướng về nhận thức.

- Ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội xâm nhập vào Nhà trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập và rèn luyện thân thiện, dân chủ và nhân văn.

b) Giải pháp

- Kịp thời triển khai các chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước tới cán bộ viên chức và sinh viên bằng hình thức phù hợp; tăng cường các hoạt động thông tin thời sự, phát động các đợt sinh hoạt chính trị, giáo dục truyền thống cho cán bộ viên chức và sinh viên. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

- Tăng cường vai trò của cấp ủy, lãnh đạo đơn vị và các tổ chức chính trị, xã hội trong việc nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng, nguyện vọng của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Triển khai và kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan, đơn vị; công khai chế độ chính sách, giải quyết kịp thời các vấn đề khiếu kiện trong nội bộ Trường. Thực hiện đối thoại giữa lãnh đạo Trường với các tổ chức chính trị - xã hội, với cán bộ, viên chức, sinh viên.

- Thực hiện tốt các chế độ chính sách cũng như giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan đến sinh viên. Hỗ trợ sinh viên trong học tập, nghiên cứu khoa học, hướng nghiệp. Tổ chức các chương trình hành động, các phong trào hành động cách mạng tạo môi trường cho sinh viên rèn luyện, phấn đấu và trưởng thành.

4.8. Công tác quản lý tài chính

a) Mục tiêu

- Bảo đảm nguồn kinh phí đáp ứng cho nhu cầu hoạt động và định hướng phát triển của Nhà trường.

- Tìm kiếm các nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước để từng bước tự chủ một phần kinh phí hoạt động. Phân đầu đến năm 2015 tự chủ 25% kinh phí, năm 2020 tự chủ 40% kinh phí hoạt động.

b) Giải pháp

- Tăng cường công tác quản lý tài chính trong Nhà trường; sử dụng nguồn lực tài chính đúng định hướng, đúng mục đích, đúng pháp luật. Thực hiện tốt việc công khai tài chính.

- Nâng cao chất lượng công tác dự báo, lập kế hoạch để đảm bảo nguồn thu từ ngân sách Nhà nước phù hợp với định hướng phát triển.

- Ký kết hợp đồng đào tạo theo yêu cầu của người sử dụng lao động, đẩy mạnh việc triển khai, ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và thực hiện các hoạt động cung ứng dịch vụ cho xã hội phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Nhà trường để bổ sung nguồn thu.

- Tìm kiếm các nguồn tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có quan hệ, hợp tác với Trường; tổ chức các hoạt động liên doanh, liên kết phù hợp với chức năng nhiệm vụ nhằm tăng thêm nguồn thu.

4.9. Về cơ sở vật chất

a) Mục tiêu

- Đầu tư, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy mô phát triển.

- Trang bị các thiết bị thí nghiệm thực hành và các phương tiện giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo hướng hiện đại, đồng bộ đảm bảo hiệu quả cao trong sử dụng, không lạc hậu về công nghệ.

- Phân đầu thực hiện dự án xây dựng Trường mới theo đúng kế hoạch, đến năm 2020 toàn bộ hoạt động của Nhà trường diễn ra tại cơ sở mới.

b) Giải pháp

Tiếp tục mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ cho việc dạy và học. Khai thác, sử dụng cơ sở vật chất một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và quy mô phát triển.

- Tăng cường nhân sự cho bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, khai thác cơ sở vật chất, xây dựng quy chế phối hợp giữa bộ phận đào tạo, cơ sở vật chất và đơn vị có liên quan nhằm khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có.

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị tư vấn, thiết kế, lập đồ án quy hoạch và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng Trường mới nhằm bảo đảm tiến độ theo kế hoạch.

- Tăng cường công tác dự báo, lập kế hoạch để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phù hợp với tốc độ phát triển.

PHẦN 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức thực hiện

- Tuyên truyền và phổ biến chiến lược đến toàn bộ cán bộ, viên chức, sinh viên, học sinh của Trường nhằm nâng cao nhận thức và hành động đối với việc thực hiện chiến lược.

- Sau khi Chiến lược được phê duyệt, Trường tiến hành lập kế hoạch, chương trình, đề án để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược.

- Các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch công tác trong từng thời kỳ, từng năm, trên từng lĩnh vực cho đơn vị mình sao cho đảm bảo thực hiện đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược.

- Quá trình thực hiện sẽ tiến hành sơ kết để đánh giá kết quả thực hiện, trên cơ sở đó điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tế của Nhà trường nhằm hoàn thành các mục tiêu của Chiến lược.

2. Các chương trình đề án thực hiện chiến lược

Để thực hiện các mục tiêu của chiến lược, Nhà trường sẽ cụ thể hóa bằng các chương trình đề án sau:

- Chuẩn hóa khung chương trình đào tạo;
- Phát triển hoạt động khoa học công nghệ;
- Tăng cường công tác đối ngoại;
- Phát triển nguồn nhân lực;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và đào tạo;
- Đổi mới phương pháp dạy và học;
- Đảm bảo chất lượng;
- Giáo trình và tài liệu tham khảo;
- Phát triển cơ sở vật chất.

KẾT LUẬN

Chiến lược phát triển Đại học Thủ Dầu Một đến năm 2020 được xây dựng xuất phát từ định hướng phát triển của Đảng, Nhà nước, tỉnh Bình Dương và yêu cầu thực tiễn nhằm thực hiện mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường. Chiến lược đưa ra những mục tiêu, giải pháp cơ bản, có ý nghĩa định hướng phát triển trong thời gian dài và sẽ được cụ thể hóa bằng chương trình, đề án phù hợp với từng thời kỳ. Việc sơ kết, đánh giá thực hiện chiến lược sẽ được thực hiện sau 03 năm, 05 năm triển khai.

Tổ chức thực hiện thành công chiến lược có ý nghĩa quan trọng, góp phần xây dựng và phát triển Nhà trường, đóng góp tích cực và có hiệu quả cao vào sự nghiệp giáo dục đào tạo, vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương, vùng Đông Nam Bộ và cả nước.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Văn Hiệp